

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TKD21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02220** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Soạn thảo văn bản**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTKD0089	Trà Thị Minh Anh	01/10/2006			9	8	7	8			8.5		8.2
2	21BTKD0090	Lý Hồng Cẩm	14/09/1999			10	9	9	10			10.0		9.8
3	21BTKD0091	Phan Nguyễn Huy Đức	20/01/2006			10	10	0	0			0.0	0.0	1.3
4	21BTKD0092	Nguyễn Văn Thanh Hiếu	16/05/2006			10	9	9	8			6.0		7.1
5	21BTKD0093	Võ Văn Hòa	26/05/2005			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
6	21BTKD0094	Nguyễn Thị Như Huỳnh	07/01/2006			9	7	7	7			8.5		8.0
7	21BTKD0095	Phan Thị Ánh Huỳnh	24/01/2005			10	8	8	8			0.0	0.0	3.3
8	21BTKD0096	Đoàn Thanh Kha	11/08/2004			10	10	9	7			9.0		8.9
9	21BTKD0097	Nguyễn Gia Kiệt	22/10/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
10	21BTKD0098	Huỳnh Trúc Linh	22/02/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
11	21BTKD0099	Nguyễn Thị Bích Lua	18/03/2005			9	10	9	9			8.5		8.8
12	21BTKD0100	Phan Trung Nguyên	25/03/2006			10	10	10	10			8.5		9.1
13	21BTKD0101	Trần Bửu Quốc	20/04/2004			10	10	10	10			8.5		9.1
14	21BTKD0102	Trần Quốc Quy	26/03/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
15	21BTKD0103	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	03/06/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
16	21BTKD0104	Tăng Thái Tú	07/06/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
17	21BTKD0105	Nguyễn Thị Bích Vi	01/03/1998			10	10	10	10			0.0	0.0	4.0
18	21BTKD0106	Đinh Thị Tường Vy	22/11/2006			10	8	9	7			0.0	0.0	3.3
19	21BTKD0107	Nguyễn Lê Như Ý	13/07/2006			10	10	9	7			0.0	0.0	3.5
20	21BTKD0335	Trương Hồng Lộc	17/02/2003			9	10	9	9			8.5		8.8

Châu Đốc, ngày 28 tháng 9 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà